TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Kỳ Trung
2. Bà Nguyễn Thị Kim Cơ

- **Thư ký phiên tòa**: ông Phạm Văn Hãnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, nợ chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Võ Thị P, sinh năm: 1987, địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*có mặt*);

- *Bị đơn:* anh Lê Văn P1, sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*vắng mặt*);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C; địa chỉ: A L, Phường H, Quận H, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Anh H - Giám đốc Phòng Giao dịch thị xã T; địa chỉ: khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27-7-2023, Bản tự khai đề ngày 01-10-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Võ Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Lê Văn P1 tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại xã P, T. Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k, vợ chồng bán trả nợ. Cưới xong vợ chồng sống chung gia đình

anh P1 tại P, T, vợ chồng làm ruộng, hiện tại chị nội trợ, anh P1 đi bán vé số. Vợ chồng sống đến tháng 01 năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống không phù hợp về tính tình, anh P1 không lo làm ăn mà thường xuyên rượu chè, về kiếm chuyện la lối chửi mắn chị, anh làm không phụ tiền cho chị chi phí, không lo cho con khi đau bệnh, chị có khuyên nhưng anh không nghe, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi đến ở chung phòng trọ với hai con gái tại A, A, T, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01-2023. Thời gian này anh P1 có gọi điện kêu chị về ở lại, chị không đồng ý, thì anh la lối chửi mắn chị. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh P1.

- Về con chung: có 02 con là Lê Thị Ái P2, sinh ngày 16-8-2003 và Lê Thị Ái P3, sinh ngày 10-7-2006, hiện cháu P2 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết, cháu P3 đang sống chung với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: có một căn nhà tường cấp 4 tại ấp P, xã P, T, Tây Ninh, xây dựng trên đất của cha mẹ chồng cho, hiện mẹ anh P1 đứng tên giấy đất và đang quản lý. Chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: có nợ Ngân hàng C1 chi nhánh T số tiền 70.000.000 đồng vay khoảng năm 2020 để chăn nuôi vịt, bị lổ nên không tiền trả, chị yêu cầu giao cho anh P1 trả hết nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Văn P1 vắng mặt nên không có ý kiến: Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Anh H trình bày:

Ngày 10-6-2020 ông Lê Văn P1 và bà Võ Thị P có vay chương trình tín dụng Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn của Ngân hàng C - Phòng giao dịch T số tiền 50.000.000 đồng; hạn trả cuối cùng vào ngày 10-6-2025; tính đến ngày nay 16-7-2024 còn nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi. Ngày 10-3-2022 ông P1, bà P vay vốn chương trình tín dụng Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền là 20.000.000 đồng; hạn trả cuối cùng ngày 10-3-2027; tính đến nay 16-7-2024 còn nợ 20.000.000 đồng và tiền lãi. Cộng hai lần vay là 70.000.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu hai vợ chồng ông P1, bà P phải trả số nợ gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi trước khi phân chia tài sản. Ngày 17-10-2023 ông có đơn xin vắng mặt do bận công việc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh P1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt làm kéo dài thời gian giải quyết án; ông H có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 30, 37, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị P đối với anh Lê Văn P1; về con chung: giao cháu Lê Thị Ái P3, sinh ngày 10-7-2006 cho chị P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Lê Thị Ái P2, sinh ngày 16-8-2003 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không giải quyết; về tài sản chung: chị P không yêu cầu, anh P1 không có ý kiến nên không giải quyết; về nợ chung: buộc chị P và anh P1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính xã hội số tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: anh P1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do; ông H có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị P, anh P1 tự nguyện cưới nhau vào năm 2002, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ đầu năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm và sống ly thân từ tháng 01 năm 2023. Theo chị P là do anh P1 không lo làm ăn mà thường xuyên rượu chè, về kiếm chuyện la lối chửi mắn chị, anh làm không phụ tiền cho chị chi phí, không lo cho con khi đau bệnh, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi đến ở chung phòng trọ với hai con gái tại A, A, T, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01-2023. Anh Phụng thì vắng mặt không tham gia tố tụng tại Toà án, tức là anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh P1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 cháu tên Lê Thị Ái P2, sinh ngày 16-8-2003 và Lê Thị Ái P3, sinh ngày 10-7-2006, hiện cháu P2 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, chị không yêu cầu giải quyết, cháu P3 đang sống chung với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng; anh P1 không có ý kiến. Xét thấy, chị P đã nuôi cháu P3 ổn định. Qua làm việc cháu P3 có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghỉ nên giao cháu P3 cho chị P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu P3 và theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị P khai có một căn nhà tường cấp 4 tại ấp P, xã P, T, Tây Ninh, xây dựng trên đất của cha mẹ anh P1 để lại, hiện mẹ anh P1 đứng tên

giấy đất, anh P1 đang quản lý, chị không yêu cầu giải quyết; anh P1 không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị P khai có nợ Ngân hàng C1 chi nhánh T số tiền 70.000.000 đồng để chăn nuôi vịt, bị lổ nên không tiền trả, chị yêu cầu giao cho anh P1 trả hết nợ; anh P1 không có ý kiến; ông H yêu cầu hai vợ chồng anh P1, chị P phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến nay 16-7-2024 là 103.562 đồng trước khi phân chia tài sản. Xét thấy, số nợ này chị P, anh P1 vay hộ nghèo, để làm ăn chung của vợ chồng, mục đích dùng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, vay trong thời kỳ hôn nhân của anh chị đang tồn tại. Nay chị P yêu cầu giao cho anh P1 trả nợ, Ngân hàng không đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi cho Ngân hàng C, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc anh P1 và chị P có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tạm tính đến nay 16-7-2024 là 103.562 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 90, 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: chị Võ Thị P chịu 300.000 đồng sơ thẩm ly hôn và 1.752.500 đồng án phí sơ thẩm dân sự; anh P1 chịu 1.752.500 đồng án phí sơ thẩm dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; các Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị P đối với anh Lê Văn P1. Chị P được ly hôn với anh P1.

2. *Về con chung*: giao cháu Lê Thị Ái P3, sinh ngày 10-7-2006 cho chị Võ Thị P được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn P1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Riêng cháu Lê Thị Ái P2, sinh ngày 16-8-2003 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được, nên không giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: chị P không yêu cầu; anh P1 không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: buộc chị Võ Thị P và anh Lê Văn P1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính đến nay 16-7-2024 là 103.562 đồng, cộng hai khoản là 70.103.562 (*Bảy mươi triệu*

một trăm lẻ ba nghìn năm trăm sáu mươi hai) đồng.

5. *Về án phí*: chị Võ Thị P chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027552 ngày 03-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị Võ Thị P và anh Lê Văn P1 mỗi người phải chịu 1.752.500 (*Một triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn năm trăm*) đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Phước Chỉ, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An